



2023 高雄公開賽
2023 Kaohsiung Open
第一回合編組表
Starting Times for Round 1
上午場 Morning Session



地點：高雄高爾夫俱樂部
KAOHSIUNG GOLF & COUNTRY CLUB

112 年 10 月 25 日 (星期三)

第一回合 ROUND 1			姓名 Name	國籍 Country	第一回合 ROUND 1			姓名 Name	國籍 Country
組別 Group	時間 Time	梯台 Tee			組別 Group	時間 Time	梯台 Tee		
1	6:30	1	鄭祐人	TWN	11	6:35	10	王力偉	TWN
			林義淵	TWN				林宸駒	TWN
			陳柏睿	TWN				陳鳴愷	TWN
			賴韋綸	TWN				姜榮彬	TWN
			陳暉泓	TWN				蔡啟煌	TWN
			鄭聿呈 A	TWN				鄧圻謀 A	TWN
			李尚融	TWN				王士瑞	TWN
			邱瀚霆	TWN				詹佳翰	TWN
			曾冠彧 A	TWN				蔡勁暘 A	TWN
			許智凱	TWN				方胤人	TWN
2	6:40		何易叡	TWN				王靈安	TWN
			張哲綸 A	TWN				吳丞軒 A	TWN
			許立朋	TWN				汪德昌	TWN
			張宇誠	TWN				林張恆	TWN
			謝曜宇 A	TWN				黃至翊 A	TWN
3	6:50		洪駿剛	TWN				江以安	TWN
			Brett Michael Munson	USA				方傳巖	TWN
			林遠惟	TWN				曾子豪	TWN
			蔡辰鋐	TWN				黃柏叡	TWN
4	7:00		Yi do Jung	KOR				曾子軒	TWN
			李威霖	TWN				蘇清安	TWN
			張建棋	TWN				張簡克謙	TWN
5	7:10		蔣宸鬱	TWN				陳宥蓁	TWN
			黃凱駿 A	TWN				蔡宗佑	TWN
			林澄洋	TWN				陳守成	TWN
6	7:20		Leon Philip D'SOUZA	HK				張耀濱	TWN
			陳又勁 A	TWN				李威廷 A	TWN
7	7:30		TAN Chi Hin, Lou 鄧子軒	HK				李士鴻	TWN
			許育誠	TWN				許智傑	TWN
8	7:40		林上予 A	TWN				林居佑 A	TWN
9	7:50								
10	8:00								



2023 高雄公開賽
2023 Kaohsiung Open
第一回合編組表
Starting Times for Round 1
下午場 Afternoon Session

地點：高雄高爾夫俱樂部
KAOHSIUNG GOLF & COUNTRY CLUB



112 年 10 月 25 日 (星期三)

第一回合 ROUND 1			姓名 Name	國籍 Country	第一回合 ROUND 1			姓名 Name	國籍 Country
組別 Group	時間 Time	梯台 Tee			組別 Group	時間 Time	梯台 Tee		
1	21	10:55	蘇彥璋	TWN	31	10:50	10	張奇偉	TWN
			柯志達	TWN				翁永田	TWN
			楊浚頤	TWN				楊 豪	TWN
	22	11:05	蔡顥至	TWN		32	11:00	陳伯豪	TWN
			李卓全	TWN				卓宗霖	TWN
			林晟毓	TWN				洪瑞誠	TWN
	23	11:15	黃冠勳	TWN		33	11:10	曾宏勝	TWN
			蔡凱任	TWN				賴嘉一	TWN
			陳科壹	TWN				鄭念宗 A	TWN
	24	11:25	洪昭鑫	TWN		34	11:20	劉澤森	TWN
			王宥崴	TWN				連驥森	TWN
			沙比亞特·馬克	TWN				林薪祐 A	TWN
	25	11:35	何祐誠	TWN		35	11:30	劉永華	TWN
			高 藤	TWN				楊斐皓	TWN
			黃議增	TWN				王偉軒	TWN
	26	11:45	林耕緯	TWN		36	11:40	張緯綸	TWN
			曾豐棟	TWN				陳志忠	TWN
			陳威勝	TWN				呂偉智	TWN
	27	11:55	盧建順	TWN		37	11:50	呂文德52	TWN
			林大鈞	TWN				葉 甫	TWN
			謝繼賢	TWN				謝東宏	TWN
	28	12:05	葉彰廷	TWN		38	12:00	楊文來	TWN
			施俊宇	TWN				陳志宏	TWN
			詹頂立	TWN				林紹白 A	TWN
	29	12:15	陳傑生	TWN		39	12:10	黃韋豪	TWN
			宋孟璋	TWN				沈威成	TWN
			張哲瑜	TWN				廖煥鈞	TWN
	30	12:25	鄭存宸	TWN		40	12:20	周宏男	TWN
			何勁宏	TWN				黃 頎	TWN
			陳裔東	TWN				辜柏雲	TWN